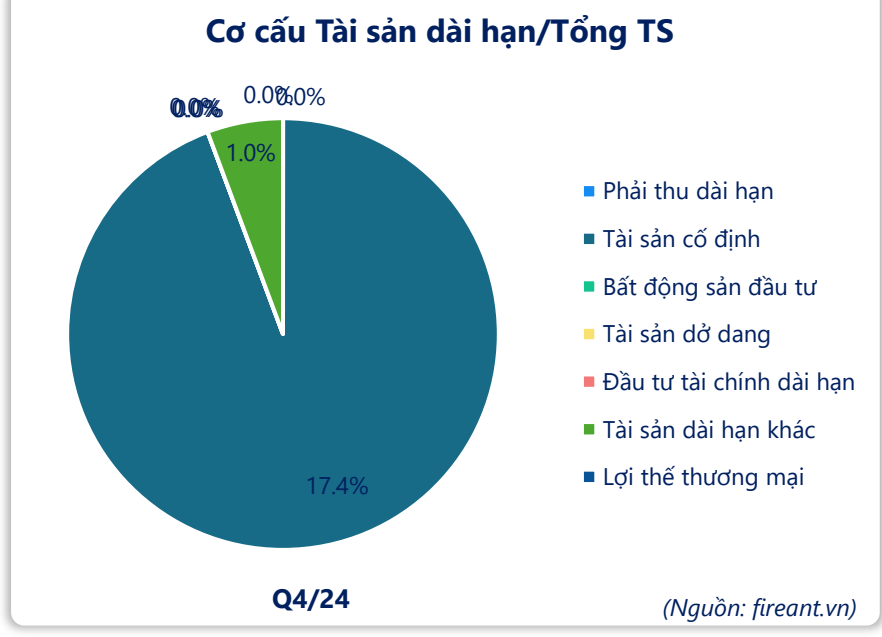
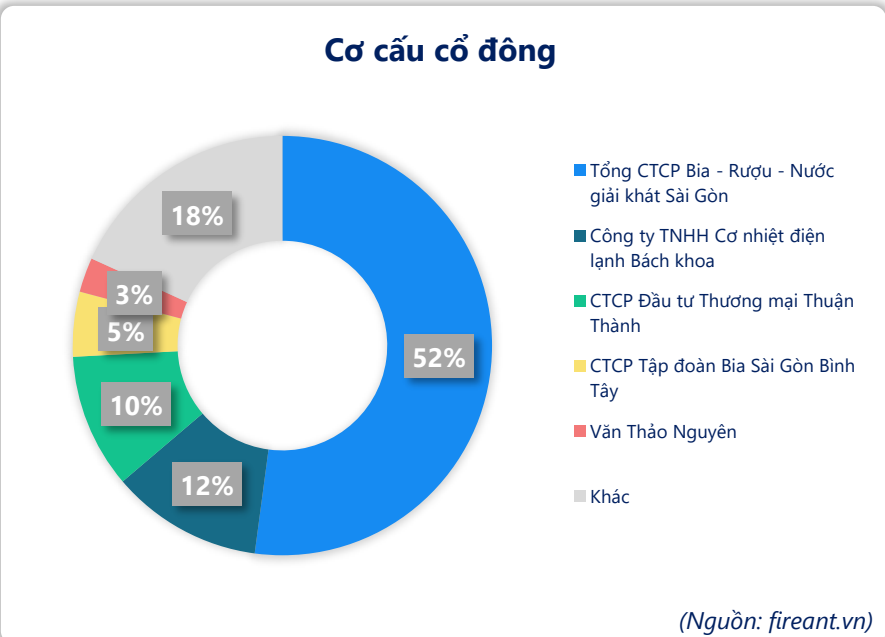
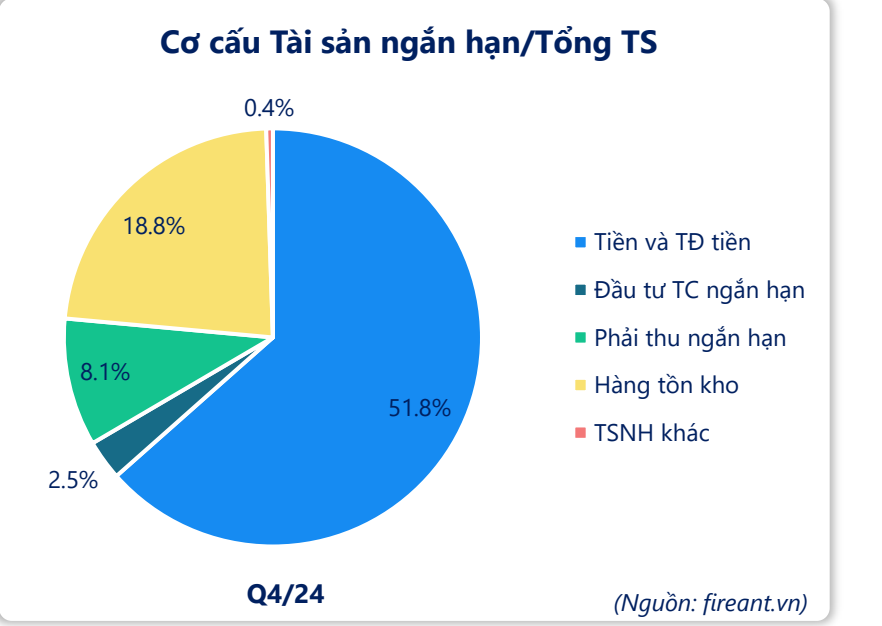
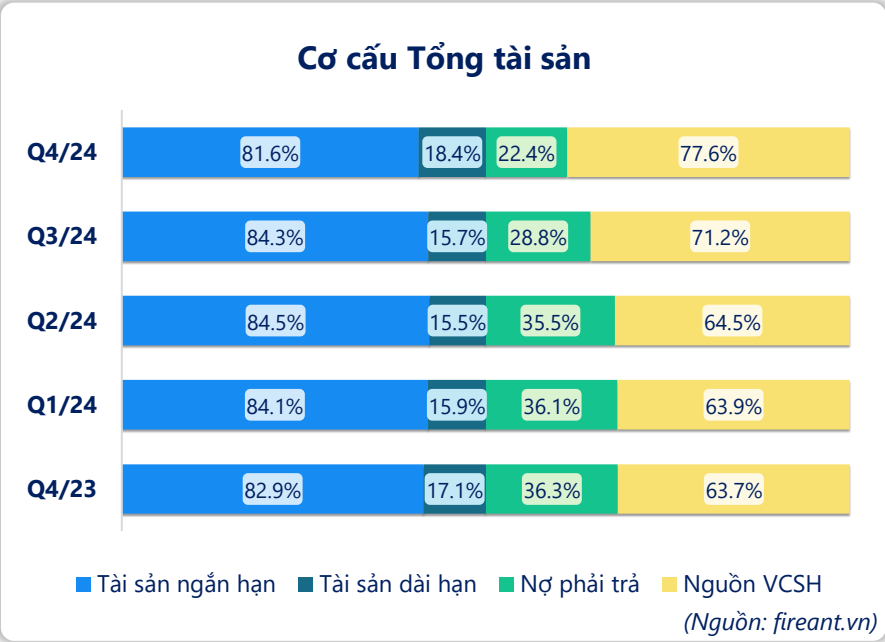
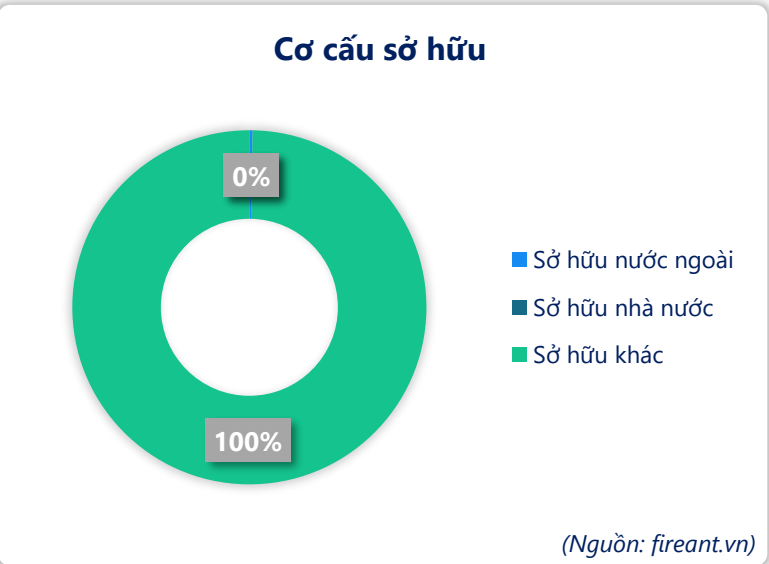
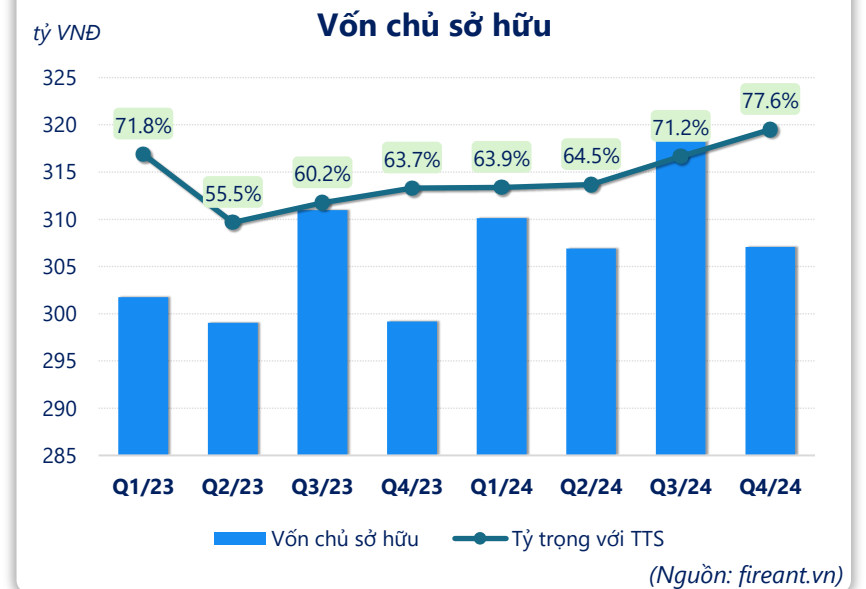
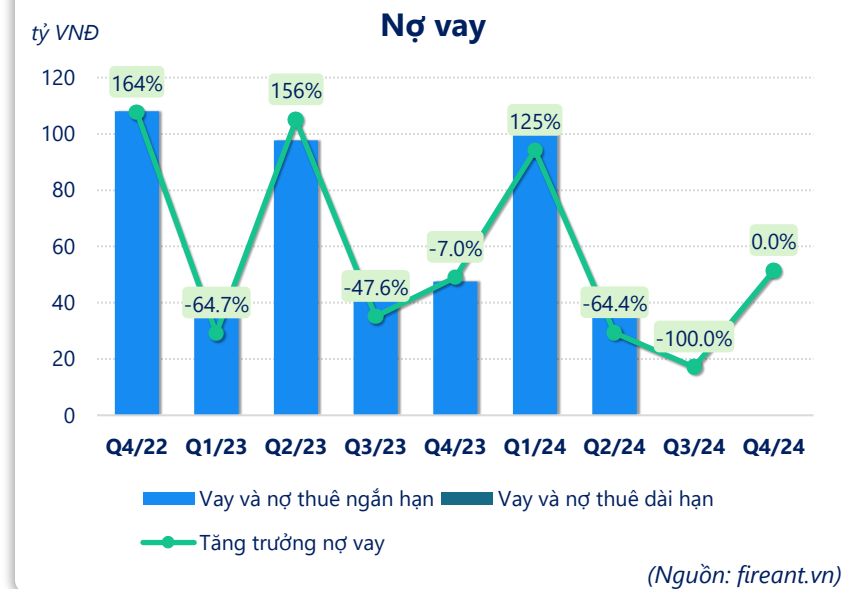
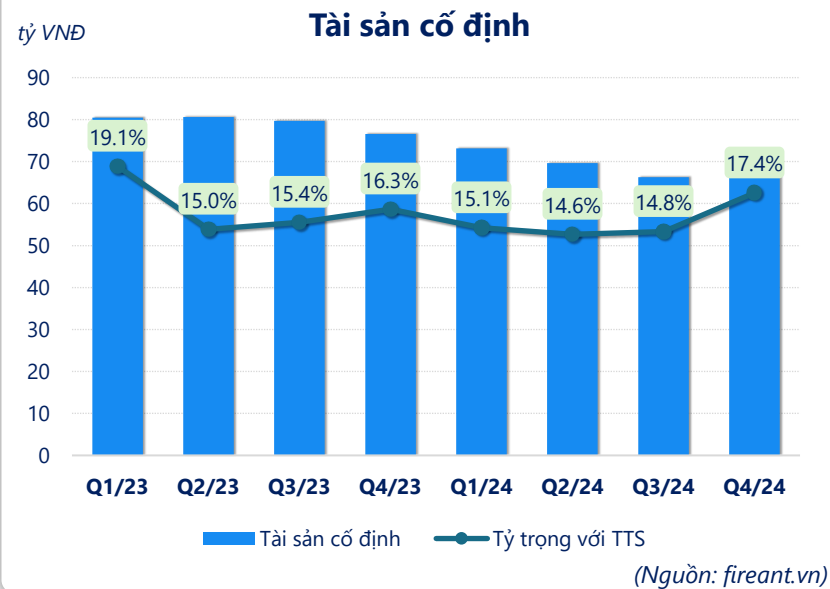
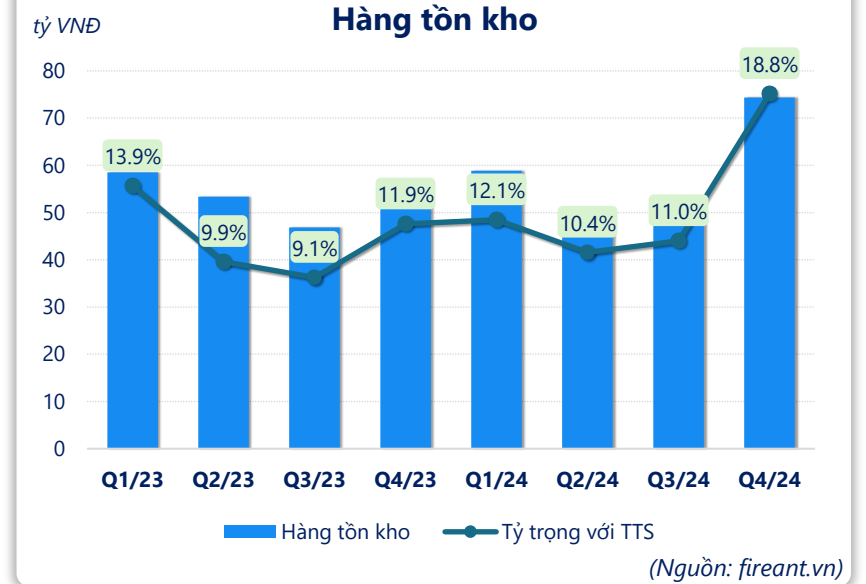
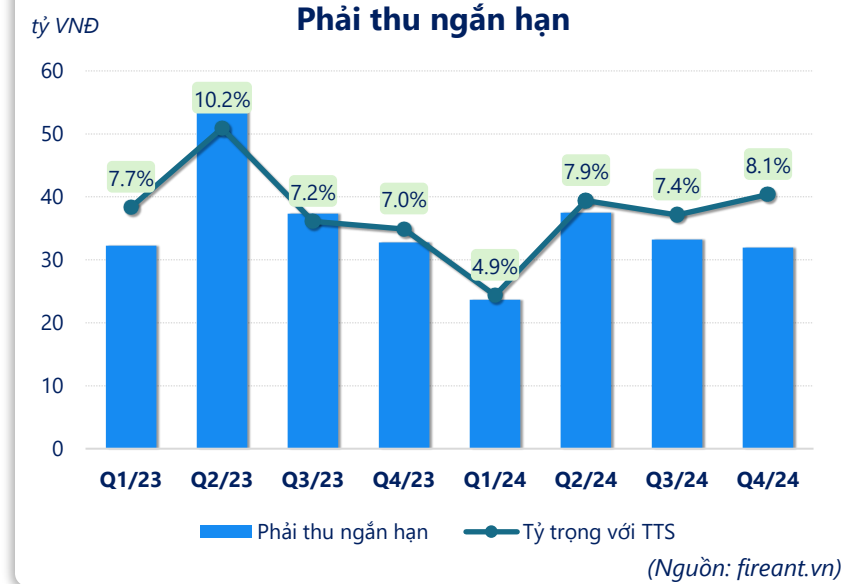
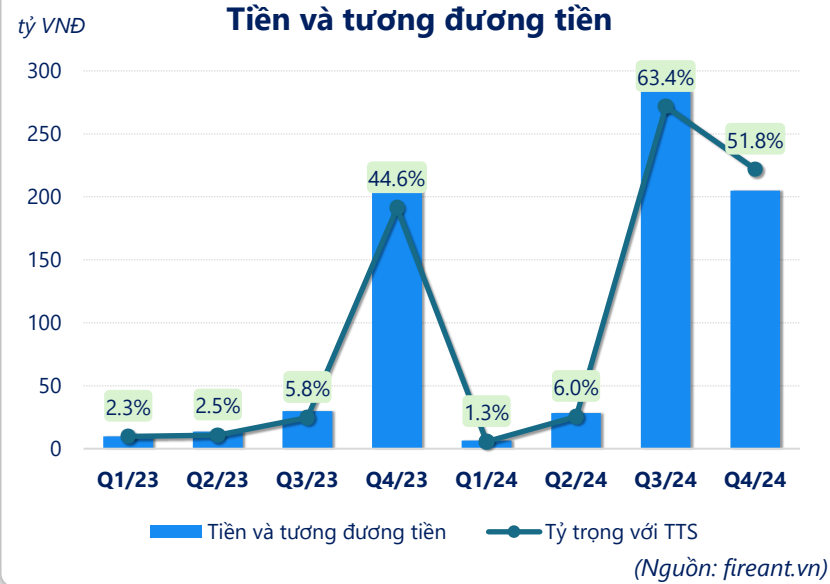
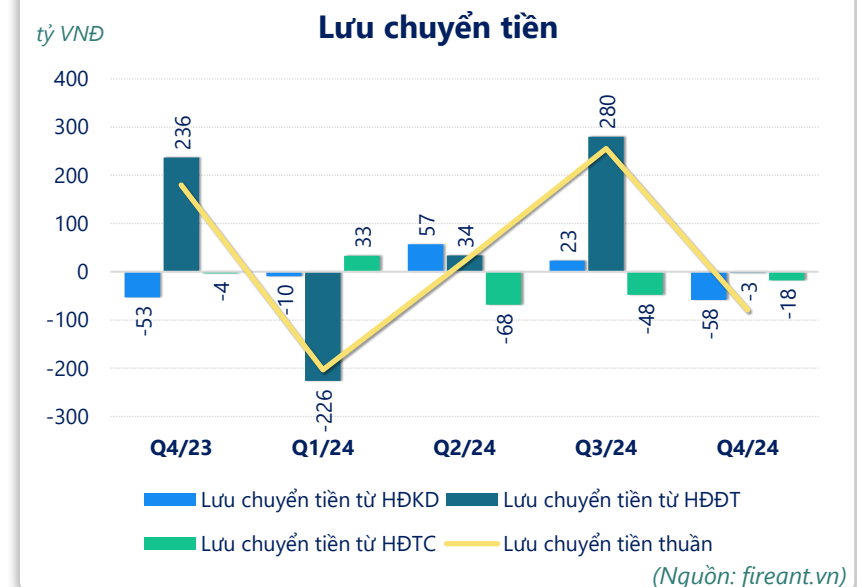
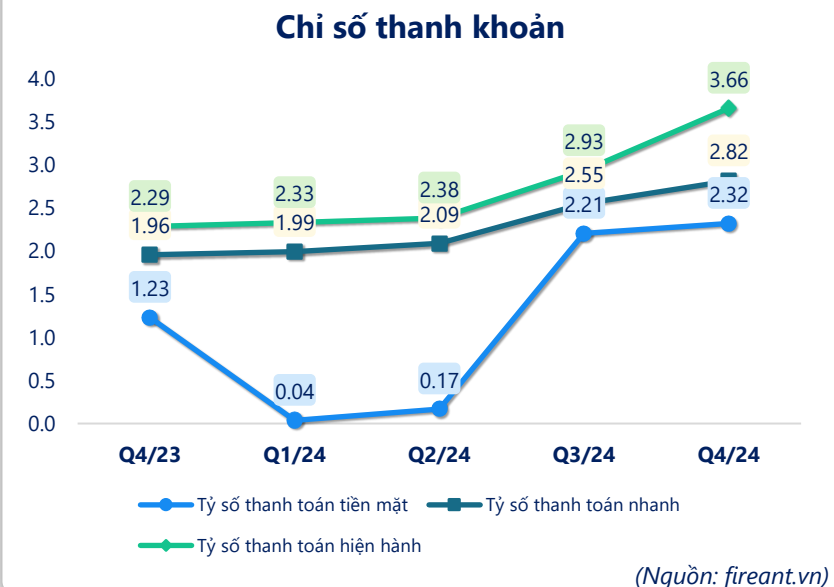
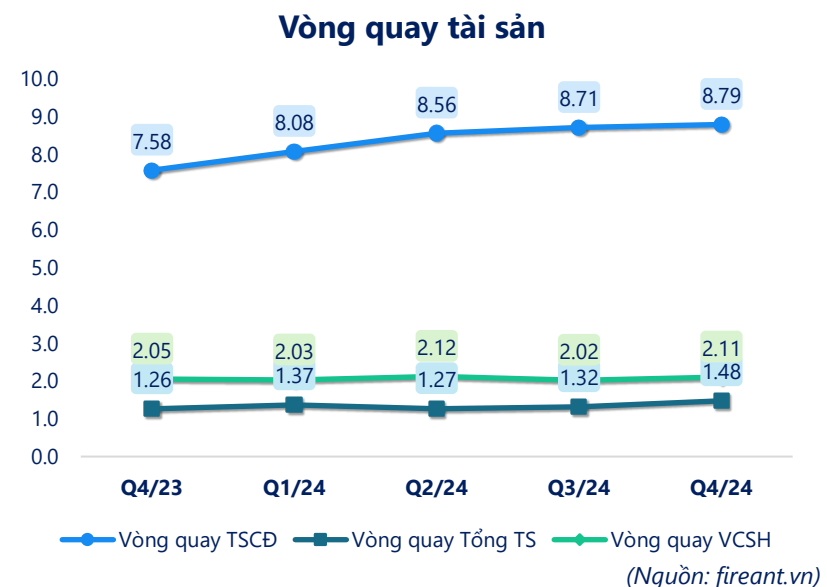
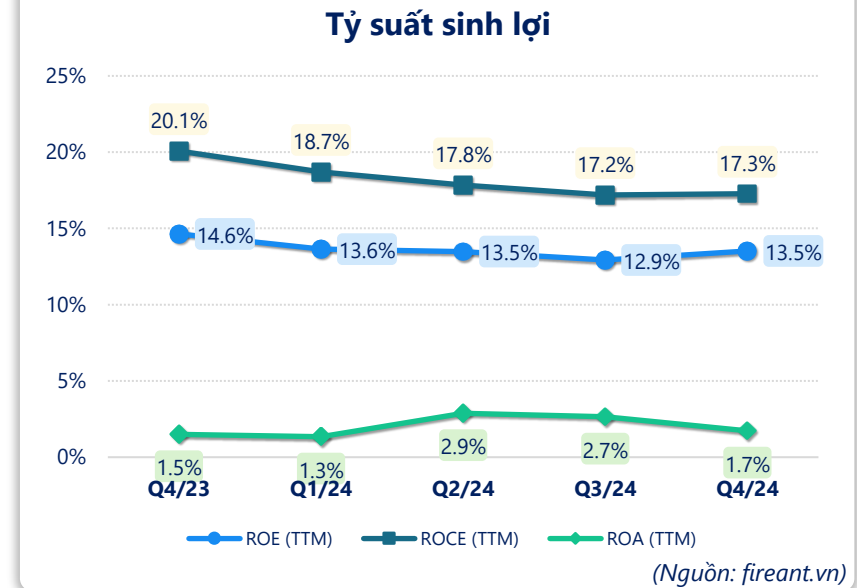
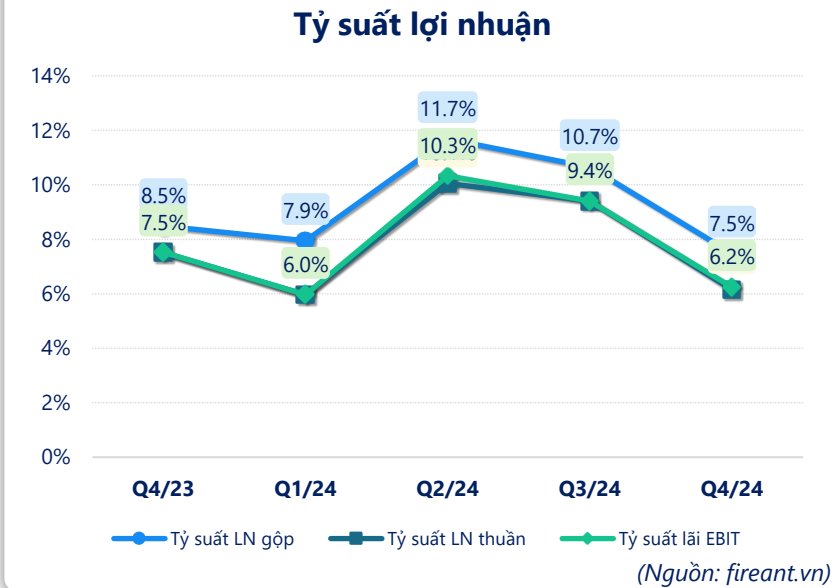
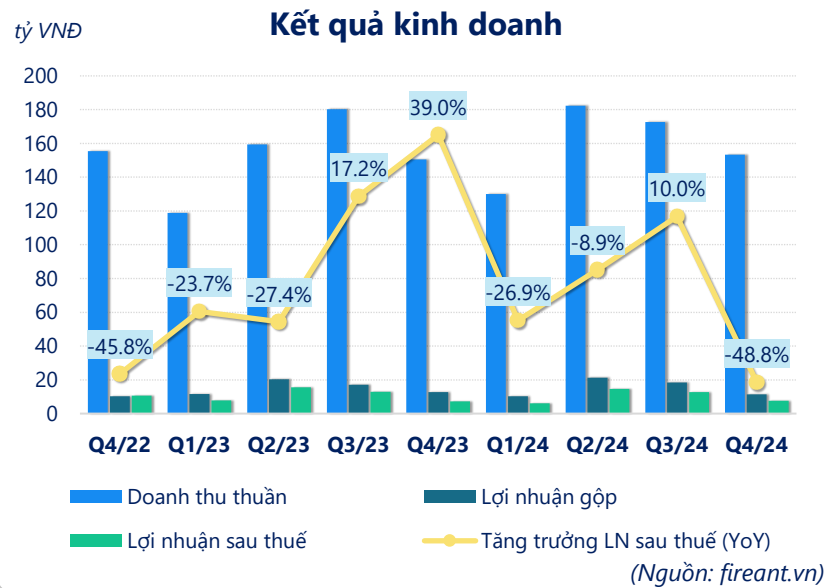


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		18,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,972
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,725
SL cổ phiếu LH		18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,495
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		337
P/E		8.2
EPS		2,277

	YTD	1T	3T	6T
BSH		-13.0%	-1.5%	-8.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	396	470	-15.8%
Tài sản ngắn hạn	323	389	-17.1%
Tiền và tương đương tiền	205	210	-2.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	89.1	-88.8%
Phải thu ngắn hạn	31.9	32.8	-2.6%
Hàng tồn kho	74.3	55.9	33.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.66	1.90	-12.6%
Tài sản dài hạn	72.8	80.4	-9.4%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	68.7	76.6	-10.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.14	3.82	8.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	88.5	165	-46.2%
Nợ ngắn hạn	88.2	164	-46.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	47.6	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.2	18.8	-19.0%
Nợ dài hạn	0.25	0.23	6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	307	305	0.7%
Vốn chủ sở hữu	307	305	0.7%
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	151	130	182	173	153
Giá vốn hàng bán	138	120	161	154	142
Lợi nhuận gộp	12.8	10.3	21.3	18.4	11.5
Doanh thu HĐTC	4.15	3.00	2.83	2.58	3.14
Chi phí TC	0.32	0.68	0.61	0.00	0
Chi phí lãi vay	0	0	0.61	0.00	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.74	0.54	0.73	0.76	0.94
Chi phí QLDN	4.56	4.35	4.46	3.97	4.24
LN thuần từ HĐKD	11.3	7.76	18.3	16.2	9.43
Lợi nhuận khác	0.01	0.00	-0.10	0.00	0.15
LN trước thuế	11.3	7.76	18.2	16.2	9.58
Lợi nhuận sau thuế	7.22	6.10	14.6	12.8	7.51
LNST của CĐ cty mẹ	7.22	6.10	14.6	12.8	7.51

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-53.1	-9.61	56.8	22.9	-58.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	236	-226	33.6	280	-2.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.52	32.7	-68.4	-47.8	-17.9
Tiền đầu kỳ	29.9	210	6.37	28.4	284
Lưu chuyển tiền thuần	180	-203	22.0	255	-78.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	210	6.37	28.4	284	205

(Nguồn: fireant.vn)